TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 46/2021/DS-ST**.**
Ngày**:** 27-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST–DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST – DS ngày 09/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐST-DS ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: số nhà E, ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Đ, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

2. Chị Kiều P, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê T trình bày:

Vào ngày 08/01/2017 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Đ và con bà Đ tên Kiều P vay số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), hai bên có làm giấy biên nhận lập ngày 08/01/2017 âm lịch và thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, hẹn hai ba

tháng sau sẽ trả vốn. Bà Đ và bà P có đóng lãi cho bà được 02 tháng sau khi vay tiền, trong đơn kiện bà để đóng lãi đầy đủ đến ngày 08/3/2018 âm lịch là không chính xác, do con bà viết đơn kiện dùm bà nên có để nhầm số tiền lãi đã đóng, mỗi tháng đáng lẽ đóng lãi 1.920.000 đồng nhưng bà lấy chẵn số tiền lãi là 1.900.000 đồng. Khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận mỗi năm sẽ làm lại biên nhận một lần nên ngày 08/3/2018 âm lịch thì bà T và bà P có làm biên nhận lại cho bà. Khi bà Đ và bà P hứa đóng lãi nhưng lại không đóng nên bà có gửi đơn đến tổ hòa giải ấp M, xã MB, thị xã N để yêu cầu hòa giải để bên bà Đ và bà P trả tiền vay. Tại buổi hòa giải ngày 23/9/2020 thì bên bà P có đến tham gia và hứa sẽ trả lại tiền vốn cho bà, tổng số tiền hứa trả là 50 triệu đồng, cụ thể vào ngày 20/10/2020 dương lịch trả 15 triệu, từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/6/2021 sẽ trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng nên bà đồng ý bỏ lãi nhưng lại không thực hiện trả tiền cho bà theo thỏa thuận.

Tại phiên Tòa hôm nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Đ và bà Kiều P cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho bà là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) và bà rút lại yêu cầu về tiền lãi suất.

2/ Bị đơn bà Nguyễn Đ và bà Kiều P đã được Tòa án thông báo nội dung nguyên đơn bà Lê T khởi kiện nhưng lại không có cung cấp ý kiến cho Tòa án.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm trình bày:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn không có mặt cũng không có yêu cầu xin vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Đ và bà Lê P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê T số tiền vay là 48.000.000 đồng. Về lãi suất bà T không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Đ và bà Kiều P vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn bà Lê T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Đ và bà Kiều P cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 48.000.000 đồng. Bị đơn bà Đ và bà P không có ý kiến phản đối; căn cứ vào giấy biên nhận lập ngày 08/01/2017 âm lịch và biên nhận ngày 08/03/2020 âm lịch xác định nội dung bà Đ và bà P có hỏi vay tiền của

bà T số tiền 48.000.000 đồng; căn cứ vào biên bản hòa giải cơ sở lập ngày 23/9/2020 của Tổ hòa giải ấp M, xã MB, thị xã N giữa bà Lê T và bà Kiều P thì bà P thừa nhận có vay tiền của bà T, sau khi tổ hòa giải phân tích thì hai bên thống nhất thỏa thuận bà P trả tiền cho bà P vốn gốc với nhiều lần trả; Căn cứ vào biên bản xác minh ông Dương H, ông Nguyễn T1, ông Nguyễn Q, ông Lê T2 cùng lập ngày 31/5/2021 là thành viên tổ hòa giải ấp M, xã MB, thị xã N trực tiếp tiến hành hòa giải giữa bà Lê T và bà Kiều P về tiền vay xác nhận tại buổi hòa giải ngày 23/9/2020 thì bà P thừa nhận còn nợ bà T số tiền vay là 48.000.000 đồng và các bên thống nhất thỏa thuận phương án trả nợ cụ thể ngày 20/10/2020 dương lịch trả 15.000.000 đồng, số tiền còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/6/2021 là trả đủ.

[3] Từ những phân tích tại mục [2] Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Đ và bà Kiều P có hỏi vay của bà Lê T số tiền 48.000.000 đồng là có thật. Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà T và bà Đ, bà P là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền bà Đ, bà P còn nợ bà T đáng lẽ bà Đ, bà P phải trả cho bà T theo như thỏa thuận của các bên khi xảy ra giao dịch vay mượn cũng như thỏa thuận giữa bà T và bà P tại buổi hòa giải ngày 23/9/2020 của tổ hòa giải ấp M, xã MB, thị xã N nhưng đến thời điểm này bà Đ, bà P chưa trả tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ, bà P trả tiền vốn vay 48 triệu đồng còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về lãi suất: Theo đơn kiện ngày 07/12/2020 thì bà T có yêu cầu bà Đ, bà P trả lãi suất từ ngày 08/3/2018 âm lịch đến ngày 08/10/2020 âm lịch với số tiền là 58.900.000 đồng. Nhưng tại biên bản lấy lời khai của bà T lập ngày 29/6/2021 thì bà T không yêu cầu bà Đ, bà P trả lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bà T vẫn giữ nguyên ý kiến rút lại yêu cầu bà Đ, bà P trả lãi suất. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Đ, bà P trả tiền lãi suất 58.900.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đ, bà P phải chịu là 48.000.000đồng x 5% = 2.400.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Nguyên đơn bà Tiến không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà T được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà T.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê T về việc yêu cầu bà Nguyễn Đ và bà Kiều P trả số tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Đ và bà Kiều P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê T số tiền vốn vay 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê T thì hàng tháng bà Nguyễn Đ và bà Kiều P còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Đ và bà Kiều P cùng phải chịu án phí là 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bà Lê T không phải chịu án phí.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê T buộc Nguyễn Đ và bà Kiều P trả số tiền lãi suất 58.900.000đ (*Năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng